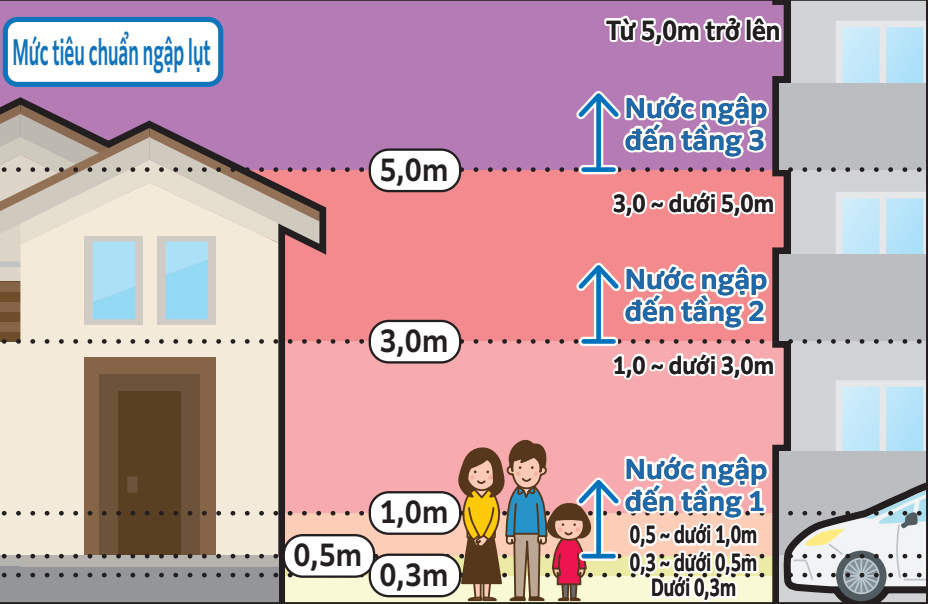




\* Vui lòng xem các loại bản đồ cảnh báo nguy hiểm của các quận để biết về việc có thể lánh nạn đến địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định ở các quận khác hay không. Bản đồ cảnh báo nguy hiểm của tất cả các quận được đăng tải công khai trên trang web chính thức của thành phố Nagoya.

| Số | Tên cơ sở (Đóng dấu)                                                                                          | Vị trí                 | Bưu điện khu vực hoặc các địa phương<br>Lưu lại, ngày nước |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1  | Trường tiểu học Higashitsukiji (trụ sở nhà khu học xã phía Nam)                                               | 26 Higashi Tsukiji-cho | ○                                                          |
| 2  | Trung tâm cộng đồng - da năng Higashitsukiji                                                                  | 9-10 Kiba-cho          | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 3  | Trung tâm phòng chống thảm họa học khu Higashitsukiji                                                         | 9-9 Kiba-cho           | ○                                                          |
| 4  | Chợ Nambu, chợ bán si trung tâm thành phố Nagoya                                                              | 1-39 Funami-cho        | ○                                                          |
| 5  | Trường tiểu học Nakagawa                                                                                      | 37-6 Tatsumi-cho       | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 6  | Trường trung học cơ sở Komei                                                                                  | 1-1-38 Komei           | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 7  | Trung tâm cộng đồng Nakagawa                                                                                  | 1-3-13 Komei           | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 8  | Trường tiểu học Tokai                                                                                         | 1-1-3 Kuban-cho        | ○                                                          |
| 9  | Trung tâm cộng đồng Tokai                                                                                     | 1-3 Minami Juban-cho   | ○                                                          |
| 10 | Trường tiểu học Seisho                                                                                        | 1-3 Higashi Dongo-cho  | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 11 | Trung tâm cộng đồng Seisho                                                                                    | 1-2-2 Shinfune-cho     | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 12 | Nhà thi đấu võ thuật tỉnh Aichi                                                                               | 4-1-4 Maruiki-cho      | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 13 | Trường tiểu học Ote                                                                                           | 3-28 Ote-machi         | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 14 | Cổ sở phân phố nước Nakagawa Nishi, Cục hệ thống cấp thoát nước                                               | 5-16 Iroha-cho         | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 15 | Trường tiểu học Kosei                                                                                         | 3-55 Jichiyu           | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 16 | Trường trung học cơ sở Hojin                                                                                  | 1-77 Hojin             | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 17 | Trung tâm cộng đồng Kosei                                                                                     | 5-308 Hojin            | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 18 | Trung tâm xử lý nước Hojin, Cục hệ thống cấp thoát nước                                                       | 4-2501 Hojin           | ○                                                          |
| 19 | Trường tiểu học Inaei                                                                                         | 4-6-35 Inaei           | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 20 | Trường trung học cơ sở Konan                                                                                  | 1-4-39 Inaei           | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 21 | Trung tâm cộng đồng Inaei                                                                                     | 4-7-56 Inaei           | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 22 | Trường tiểu học Noseki                                                                                        | 1-4-11 Noseki          | ○                                                          |
| 23 | Trung tâm cộng đồng Noseki                                                                                    | 4-3-13 Noseki          | ○                                                          |
| 24 | Trung tâm thể thao Inaei                                                                                      | 5-1-10 Noseki          | ○                                                          |
| 25 | Nơi hội hợp Inaeiso do thành phố quản lý                                                                      | 5-3 Noseki             | ○                                                          |
| 26 | Nơi hội hợp Minatoso do thành phố quản lý (Tòa 1)                                                             | 4-1 Noseki             | ○                                                          |
| 27 | Nơi hội hợp Minatoso thành phố quản lý (Tòa 6) -<br>Nơi hội hợp Minatoso Silver Minatoso do thành phố quản lý | 3-5-4 Noseki           | ○                                                          |
| 28 | Nơi hội hợp Minatoso do thành phố quản lý (Tòa 7)                                                             | 5-3 Noseki             | ○                                                          |
| 29 | Trường tiểu học Ousu                                                                                          | 4-59 Dongo-cho         | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 30 | Trường trung học cơ sở Kokohu                                                                                 | 2-1 Kokohu-cho         | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 31 | Trung tâm cộng đồng Ousu                                                                                      | 2-34 Kokohu-cho        | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 32 | Hội quán trường đua ngựa                                                                                      | 1-1 Taimie-cho         | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 33 | Trường mẫu giáo Uguisu                                                                                        | 5-16 Hongu-cho         | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 34 | Trường tiểu học Shoho                                                                                         | 5-22 Shoho-cho         | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 35 | Trung tâm cộng đồng Shoho                                                                                     | 8-134 Shoho-cho        | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 36 | Trường tiểu học Meitoku                                                                                       | 3-259 Ousu             | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 37 | Trung tâm cộng đồng Meitoku                                                                                   | 4-147 Ousu             | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 38 | Trường tiểu học Tochi                                                                                         | 3-2401 Tochi           | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 39 | Trường trung học cơ sở Tochi                                                                                  | 1-608 Tochi            | Từ tầng 2 trở lên                                          |
| 40 | Trung tâm cộng đồng Tochi                                                                                     | 1-601-1 Tochi          | Từ tầng 2 trở lên                                          |

| Số  | Tên cơ sở (Đóng dấu □)                                                 | Vị trí                       | Sưu tập hình ảnh minh họa cấp được chỉ định<br>Lũ lụt, ngập nước |
|-----|------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 441 | Trường tiểu học Nishi Tsukiji                                          | 1-2-33 Hama                  | ○                                                                |
| 442 | Trung tâm cộng đồng Nishi Tsukiji                                      | 2-10-31 Hama                 | ○                                                                |
| 443 | AICHI KAIJUN CO.,Ltd.                                                  | 2-1-11 Hama                  | ○                                                                |
| 444 | Tòa nhà trụ sở chính Hiệp hội quản lý cảng Nagoya/Hội quán cảng Nagoya | 1-11 Minato-machi            | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 445 | Trường tiểu học Koraku                                                 | 2-3-36 Koraku                | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 446 | Trường trung học cơ sở Toko                                            | 1-7-16 Koraku                | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 447 | Trung tâm cộng đồng Koraku                                             | 1-1-65 Koyo                  | ○                                                                |
| 448 | Trung tâm hợp tác suất đời Minato                                      | 1-10-18 Koyo                 | ○                                                                |
| 449 | Trường mẫu giáo Kiwa                                                   | 4-4-18 Koei                  | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 450 | Trường tiểu học Takagi                                                 | 3-20 Takagi-cho              | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 451 | Trường trung học phổ thông Ishin tỉnh Aichi                            | 2-262 Ishin-cho              | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 452 | Trung tâm cộng đồng Takagi                                             | 2-15 Aburaya-cho             | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 453 | Trường tiểu học Jinguji                                                | 2-501 Jinguji                | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 454 | Trung tâm cộng đồng Jinguji                                            | 724-1 Hojin-cho Aza Kaishora | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 455 | Trường tiểu học Nan-yo                                                 | 2-328 Higashi Chaya          | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 456 | Trường trung học cơ sở Nan-yo Higashi                                  | 1-35-2 Nishi Chaya           | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 457 | Trường trung học phổ thông Nan-yo tỉnh Aichi                           | 2-99 Onishi                  | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 458 | Trung tâm Nan-yo                                                       | 2-330 Higashi Chaya          | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 459 | Nhà trẻ Nan-yo Daiichi                                                 | 2-305 Higashi Chaya          | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 460 | Trung tâm giao lưu Nan-yo                                              | 3-123 Higashi Chaya          | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 461 | Hội quán Fujimae                                                       | 1-742 Fujimae                | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 462 | Nơi lánh nạn khẩn cấp Kawahara                                         | 4-156 Nishi Chaya            | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 463 | Nơi lánh nạn khẩn cấp Fujitaka                                         | 1-81 Fujitaka                | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 464 | Nơi lánh nạn khẩn cấp Nanashima                                        | 2-162 Nanashima              | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 465 | Nơi lánh nạn khẩn cấp Ogawa                                            | 3-134 Ogawa                  | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 466 | Trường tiểu học Nishi Fukuta                                           | 5-1601 Nishi Fukuta          | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 467 | Trung tâm cộng đồng Nishi Fukuta                                       | 2-103 Fukuya                 | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 468 | Vườn phòng quan thực tế tại tạo đất Chayanochi                         | 5-2602 Shinchaya             | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 469 | Trường tiểu học Fukuta                                                 | 1-1207 Shichitanno           | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 470 | Nhà trẻ Nan-yo Daini                                                   | 2-2401 Chita                 | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 471 | Trung tâm cộng đồng Fukuta                                             | 4-213 Sendoba                | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 472 | Trường tiểu học Fukuharu                                               | 1-2901 Harutano              | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 473 | Trường trung học cơ sở Nan-yo                                          | 3-121 Harutano               | Từ tầng 2 trở lên                                                |
| 474 | Hội quán khu vực Nan-yo                                                | 3-101 Harutano               | Từ tầng 2 trở lên                                                |

| Số                                                                                  | Tên cơ sở (Đóng dấu  ) | Vị trí                            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|  | Trường tiểu học FunairiKanie                                                                              | 3-70 Funairi, Kanie-cho,          |
|  | River Drainage pump station                                                                               | Eigano, Kanie Honmachi, Kanie-cho |

**Cơ quan hành chính nhà nước và địa phương (Đóng dấu □)**

|                                                                    |                                                                 |                                                           |                                                                |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> Tòa thị chính Minato/Văn phòng chính trị công cộng Minato | <b>D</b> Trạm cứu hỏa Minato, văn phòng chi nhánh Tokaihashi    | <b>G</b> Trạm cứu hỏa Minato, văn phòng chi nhánh Nanao   | <b>I</b> Đội cứu hỏa đặc biệt Quân đoàn 5                      |
| <b>B</b> Tòa thị chính quận Minato, chi nhánh Nanao                | <b>E</b> Trạm cứu hỏa Minato, văn phòng chi nhánh Higashiutsuki | <b>H</b> Trạm cứu hỏa Minato, văn phòng chi nhánh Arakawa | <b>J</b> Trung tâm đường ống Sibu, Cục hệ thống cấp thoát nước |
| <b>C</b> Trạm cứu hỏa Minato                                       | <b>F</b> Trạm cứu hỏa Minato, văn phòng chi nhánh Inae          |                                                           |                                                                |

Bản đồ này sử dụng bản đồ cơ sở quy hoạch thành phố được tạo vào năm 2015 và 2016. Ngoài ra, chúng tôi sẽ chỉnh sửa tình trạng sau khi tạo nếu cần.

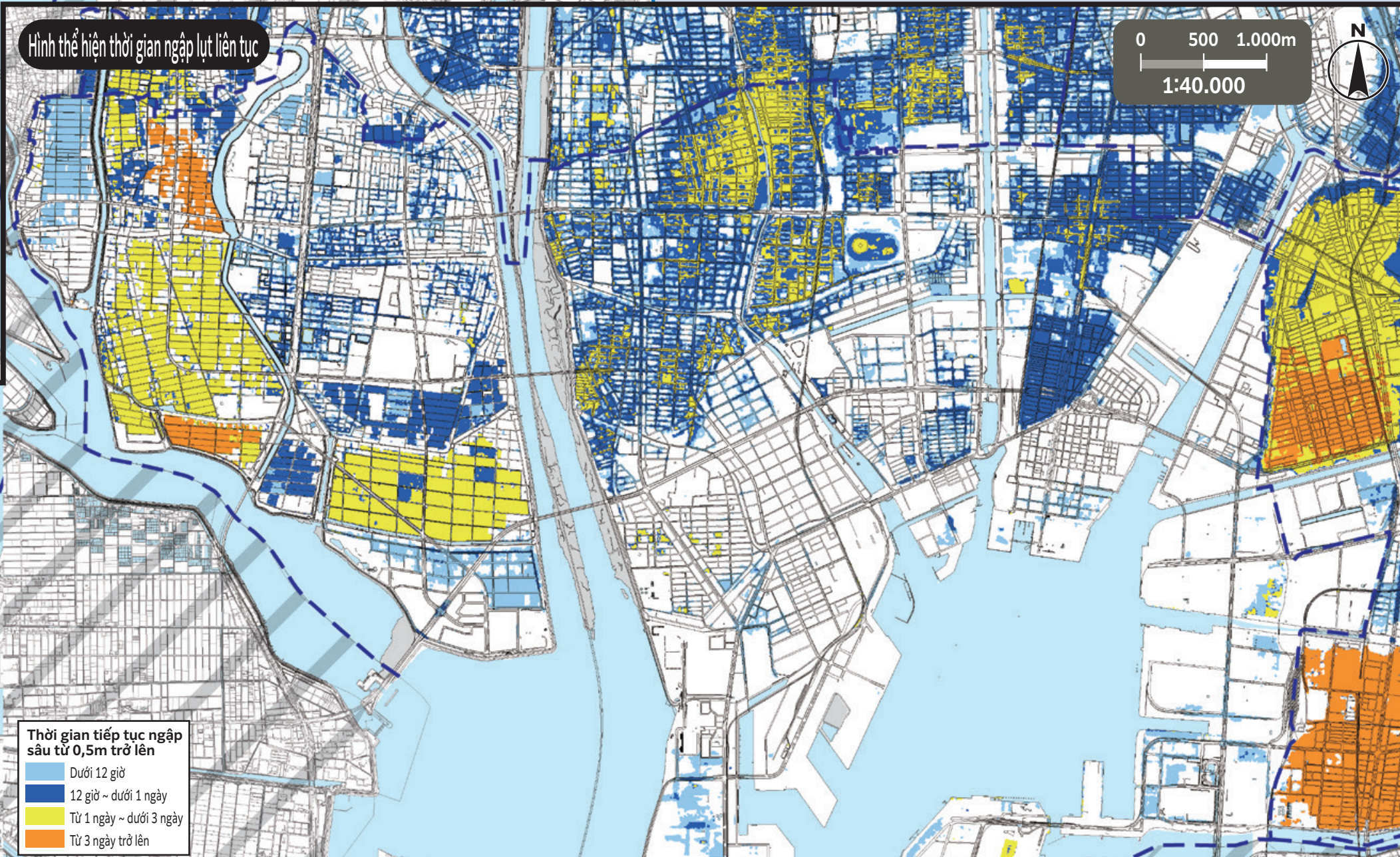
Đối với thị trấn Kanie, thành phố Yotomi, làng Tobishima và thành phố Tokai, chúng tôi đã sử dụng bản đồ cơ sở quy hoạch thành phố với sự phê duyệt của các thành phố, thị trấn, làng xã. (Mã số địa phương: Thị trấn Kanie: 3番まち政 S636, Thành phố Yotomi: 3 Ya 郡 S647, Làng Tobishima: 3建 S6167, Thành phố Tokai: 郡 S629)

Bản đồ thông tin thành phố sát lộ đất, tỉnh Aichi, hiển thị giấy phép Creative Commons 2.1 Nhật Bản

<http://creativecommons.org/licenses/by/2.1/jp/>

(Phần giải thích)

- Ngập lụt, v.v... được thể hiện trong hình là dữ liệu được tính toán dựa trên mô phỏng về khu vực ngập lụt, độ sâu ngập lụt và thời gian ngập lụt liên tục được giả định trong trường hợp hệ thống nước thải, các cống sông và hồ (các con sông không được giả định trường hợp lũ tràn trên nền bản đồ cảnh báo nguy hiểm lũ lụt), v.v., dựa trên "**lượng mưa cực lớn nhất có thể giả định**" (156mm/h, 836mm/24h), sau khi xem xét tình hình hoàn thiện của các cơ sở xử lý nước thải hiện tại thành phố 2020.
- Khi thực hiện mô phỏng, chúng tôi kết nối các vị trí đến vị trí ngừng vận hành máy bơm thoát nước và đóng cửa cống thoát nước do mực nước sông dâng cao.
- Khu vực ngập lụt, độ sâu ngập lụt và thời gian ngập lụt liên tục chỉ là giả định, có thể sẽ lớn hơn so với giả định tùy theo các điều kiện khác nhau.
- Hình này được tạo ra dựa trên kết quả mô phỏng do thành phố Nagoya thực hiện.



### Hình thể hiện thời gian ngập lụt liên tục

**Thời gian tiếp tục ngập sâu từ 0,5m trở lên**

|                                                                                       |                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|  | Dưới 12 giờ             |
|  | 12 giờ ~ dưới 1 ngày    |
|  | Từ 1 ngày ~ dưới 3 ngày |
|  | Từ 3 ngày trở lên       |

## Thành phố Tokai

### Chú thích

**Địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định**  
 Đây là nơi đầu tiên để bạn sơ tán khỏi nguy hiểm của thảm họa nhằm bảo vệ tính mạng.

**Đường chui**  
 Nơi xảy ra tình trạng đường bị ngập nước khi mưa to và bị cấm lưu thông.

**Khu vực cảnh báo (đặc biệt) thảm họa sạt lở đất**  
 Khu vực có nguy cơ xảy ra thảm họa sạt lở đất.

|                          |       |                                                                                                            |
|--------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ranh giới khu vực</b> | ----- | <b>Ranh giới khu vực trường học</b><br>(Ranh giới khu trường học là vực chui; Vướng lẩn hệ vật các tòa thí |
|--------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Địa điểm lánh nạn khẩn cấp được chỉ định ở bên ngoài quần**